

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 17 - 6 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Nhân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Lực - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BÌNH PHƯỚC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BÌNH PHƯỚC tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/6 ngày 17/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2022/HNGĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh L, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 278, đường ĐT 766, thôn 3, xã Đ, huyện Đ tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Vũ Xuân Đ, sinh năm 1963 và Luật sư Đinh Văn T, sinh năm 1960 - thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 273/4 đường T, khu phố 3, phường T, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Anh L trình bày: Tôi và anh T chung sống và đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Từ khi tôi mang thai thì có nhiều chuyện phát sinh mâu thuẫn từ những chuyện nhỏ nhặt, anh T nghe lời mẹ và có hành vi bạo hành gia đình, đe dọa tính mạng của tôi. Ngoài ra những mâu thuẫn cũng xuất phát từ việc cha, mẹ tôi chuẩn bị tặng cho đất làm nhà và các vấn đề khác về kinh tế, quản lý tiền bạc. Từ đó, vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát. Anh T tát tôi nhiều lần, nhưng sự việc này tôi không trình báo chính quyền địa phương can thiệp. Mẹ của anh T không hiểu rõ sự việc mâu thuẫn nhưng vẫn gọi điện thoại chửi bới tôi. Mâu thuẫn càng tăng nên anh T đưa con về nhà cha mẹ ruột của anh T sinh sống từ tháng 5/2021. Quá trình sống ly thân tôi nhắn tin cho anh T đưa con về nhà cùng tôi hàn gắn lại nhưng anh T không đồng ý. Anh T yêu cầu tôi thay đổi nơi làm việc đến sinh sống cùng cha mẹ ruột của anh T, nhưng tôi thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thỏa thuận được với mẹ của anh T nên tôi không đồng ý về sống chung với anh T. Từ đó, vợ chồng sống ly thân cho đến nay mà không thể hàn gắn được. Tôi thấy mục đích hôn nhân giữa tôi và anh T không đạt được và không còn tình cảm. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh T có 01 người con chung tên Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Phúc L. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn T trình bày: Tôi T với lời trình bày của chị L về việc kết hôn và thời gian chung sống là đúng. Tôi cũng xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng như chị L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc các chị gái ruột của chị L cho rằng tôi và chị L có dự tính xấu khi xây dựng nhà ở tại đất của cha mẹ chị L tặng cho thì sẽ không còn cho cha mẹ chị L sinh sống ở đó nữa. Mẹ ruột của chị L cũng tin vào lời nói của các chị gái nên không cho tôi và chị L tiếp tục sinh sống, nên khoảng tháng 3/2020, tôi và chị L về sinh sống tại thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau đó khoảng 01 tháng tôi và chị L về lại tỉnh Bình Thuận sinh sống cùng gia đình chị L. Khoảng tháng 4/2021, chị L kết thúc hợp đồng dạy học ở trường mẫu giáo Anh Đ (địa chỉ: Xã T, huyện Đức L, tỉnh Bình Thuận), tôi có yêu cầu chị L làm đơn xin chuyển công tác về xã T, huyện B để sinh sống cùng gia đình tôi. Tuy nhiên, chị L và gia đình chị L không đồng ý, phản đối kịch liệt, mẹ của chị L còn có ý định sẽ tự tử nếu chị L không nghe lời. Vì vậy, ngày 17/4/2021, tôi xin phép và được gia đình chị L cho phép đưa con về nhà tôi sinh sống. Mặc dù xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng tình cảm của tôi và chị L vẫn bình thường. Chị L cho rằng tôi có hành vi đánh đập chị L dã man và đe dọa tính mạng chị L cùng với gia đình là không đúng. Tuy nhiên tôi vẫn mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng chăm lo cho con.

Về con chung: Tôi xác định có 01 con chung như chị L trình bày là đúng. Tôi mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng trong trường hợp phải ly hôn thì tôi nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh L đối với bị đơn anh Vũ Văn T: Chị Nguyễn Thị Ánh L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Ánh L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án hôn nhân sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, anh Vũ Văn T kháng cáo đối với bản án số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 05/5/2022, Luật sư Đinh Văn T đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng giao cháu Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020 cho anh Vũ Văn T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Vũ Phúc L thành niên.

Nhưng đến phiên tòa phúc thẩm ngày 13/6/2022 người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Luật sư Vũ Xuân Đ và anh TĐề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BÌNH PHƯỚC xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Anh T không chứng minh được chị L từ bỏ quyền nuôi con hơn nữa hiện nay cháu Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020 chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy tòa cấp sơ thẩm tuyên giao cháu Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020 cho chị L nuôi dưỡng là đúng theo quy định Khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giữ nguyên Bản án hôn nhân sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Anh Vũ Văn T phù hợp với Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T về việc Tòa án nhân dân huyện B tuyên xử khi anh còn đang khiếu nại lần 2 về quyết định giải quyết đơn khiếu nại của anh trong vụ án này nhưng chưa được trả lời là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Thấy rằng: nội dung đơn khiếu nại đề ngày 14/12/2021 của anh T là đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khởi tố trách nhiệm hình sự đối với chị L về tội vu khống và yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật là thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan điều tra, lẽ ra trong trường hợp này Tòa án sơ thẩm phải hướng dẫn hoặc bằng văn bản cho người khiếu nại gửi đơn tố giác đến Cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền. Nếu trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án mà Cơ quan điều tra cũng thụ lý tin báo và xem xét sự việc có liên quan đến hình sự hay không thì Tòa án sẽ tạm đình chỉ vụ án để chờ kết quả giải quyết của cơ quan điều tra. Nhưng trong trường hợp này, bị đơn không gửi đơn tố giác đến cơ quan Điều tra và việc giải quyết khiếu nại của Tòa án nhân dân huyện B Đ với nội dung “không khởi tố trách nhiệm hình sự theo ý kiến của đương sự” tuy chưa đúng nhưng nội dung giải quyết khiếu nại này cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án hôn nhân mà Tòa án nhân dân B đang giải quyết. Tuy nhiên, cũng cần nhắc nhở để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Mặt khác, anh T cho rằng hiện nay anh sinh sống tại thôn 6 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án huyện B Đ xét xử là không đúng thẩm quyền. Căn cứ biên bản xác minh ngày 30/5/2022 tại trụ sở công an xã T, huyện B Đ, tỉnh BÌNH PHƯỚC thì gia đình và anh T chưa chuyển khẩu đi nơi khác mặc dù anh T xuất trình thêm hộ khẩu tại thôn 6 xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng trong

suốt quá trình giải quyết tại Tòa án sơ thẩm huyện B anh T vẫn sử dụng nơi cư trú tại xã T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước để tham gia hoạt động tố tụng. Việc anh T có 2 hộ khẩu thường trú là lỗi của cơ quan quản lý hành chính. Hơn nữa đương sự có quyền chọn lựa nơi cư trú của bị đơn để khởi kiện.

Vì vậy Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của anh Vũ Văn T là không có cơ sở.

[2] Về nội dung: Trong quá trình chung sống anh T và chị L có 01 người con chung tên Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung vì chị L có mức thu nhập trung bình là 4.044.605đồng/tháng. Tuy nhiên anh T không đồng ý và yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vũ Phúc L vì anh T cho rằng chị L không đảm bảo thời gian chăm lo cho con, công việc của chị L là làm giáo viên mầm non, thường xuyên phải đi làm rất sớm, từ 06 giờ sáng đến 05 giờ 30 phút chiều và cũng tùy vào lịch trực phân công từng tuần và chị L cũng chưa có nhà ở riêng, mà chỉ được cha mẹ cho đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay chị L đang ở chung cha mẹ ruột tại căn nhà cấp IV, diện tích khoảng 4m x 30m, nhà ở đã xây dựng từ lâu, nơi ở không đảm bảo vệ sinh. Ngoài ra chị L cũng từng bị tai nạn giao thông, hiện nay vẫn chưa hồi phục. Cha chị L thường xuyên uống rượu ảnh hưởng đến sinh hoạt các thành viên trong gia đình. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp và lời khai thể hiện chị L hiện nay có thửa đất 256m² và căn nhà cấp 4 có diện tích 120m², căn cứ vào giấy khám sức khỏe ngày 08/10/2021, bảng lương của trường mẫu giáo A và Công văn số 68/CV – MGAĐ thì chị L có đủ thời gian và sức khỏe để làm việc và chăm sóc con chung, hơn nữa không có căn cứ nào chứng minh chị L từ chối việc nuôi dưỡng cháu Vũ Phúc L. Như vậy, phía bị đơn cho rằng chị L không đủ điều kiện nuôi con là không có cơ sở. Mặt khác, con chung của chị L và anh T chưa được 36 tháng tuổi theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì cháu Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020 được giao cho mẹ là chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc kháng cáo của mình là có căn cứ.

Từ phân tích trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của anh T không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Vũ Văn T không có căn cứ không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn anh Vũ Văn T không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Vũ Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh L đối với bị đơn anh Vũ Văn T: Chị Nguyễn Thị Ánh L được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Phúc L, sinh ngày 11/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Ánh L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ánh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 016356 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Án phí phúc thẩm: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền án phí hôn nhân phúc thẩm đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000273 ngày 28/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng

